

PHIẾU BÀI TẬP

Phiếu ôn tập dịp Tết lớp 3 – Toán và Tiếng Việt (có đáp án)

Môn: Toán, Tiếng Việt Lớp 3 Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

Thời gian: 25–35 phút / phiếu Dành cho: Học sinh, Phụ huynh, Gia sư

Tài liệu do Gia Sư HCM tự biên soạn · giasuhcm.vn · Dùng cho học tập cá nhân, không bán lại.

Hướng dẫn sử dụng (dành cho phụ huynh, gia sư). Tài liệu gồm 6 phiếu ôn tập nhẹ nhàng cho học sinh lớp 3 trong kì nghỉ Tết: 3 phiếu Toán và 3 phiếu Tiếng Việt, xen kẽ nhau. Nội dung là kiến thức con đã học ở học kì I và đầu học kì II (bám sách Kết nối tri thức với cuộc sống): bảng nhân, bảng chia; nhân, chia số có hai, ba chữ số với số có một chữ số; biểu thức; các số đến 10 000; đọc hiểu, từ và câu, viết đoạn văn ngắn. Mỗi phiếu làm trong khoảng 25–35 phút; có thể chia một phiếu thành hai lần làm. Con viết trực tiếp vào phiếu, phụ huynh đối chiếu đáp án ở cuối tài liệu. Ngày Tết là dịp nghỉ ngơi và sum họp: không cần làm hết trong vài ngày, hãy khen ngợi khi con cố gắng và để con tự sửa lỗi sai.

PHIẾU 1 – TOÁN: BẢNG NHÂN, BẢNG CHIA

Họ và tên: Lớp: Ngày làm:/...../20.....

Ghi nhớ. Muốn gấp một số lên nhiều lần, ta lấy số đó nhân với số lần. Muốn giảm một số đi nhiều lần, ta lấy số đó chia cho số lần. Muốn tìm $\frac{1}{4}$ của một số, ta lấy số đó chia cho 4.

Bài 1. Tính nhẩm.

$6 \times 7 = \dots\dots$	$8 \times 9 = \dots\dots$	$7 \times 8 = \dots\dots$	$9 \times 6 = \dots\dots$
$4 \times 8 = \dots\dots$	$3 \times 9 = \dots\dots$	$48 : 6 = \dots\dots$	$63 : 7 = \dots\dots$
$56 : 8 = \dots\dots$	$81 : 9 = \dots\dots$	$42 : 7 = \dots\dots$	$36 : 4 = \dots\dots$

Bài 2. Viết số thích hợp vào ô trống.

Số đã cho	8	9	7	72	54	40
Yêu cầu	Gấp 6 lần	Gấp 7 lần	Gấp 5 lần	Giảm 8 lần	Giảm 6 lần	Giảm 5 lần
Kết quả						

Bài 3. Tìm số thích hợp thay cho dấu ?.

$? \times 7 = 56$	$? : 6 = 9$	$64 : ? = 8$
$9 \times ? = 81$	$? - 25 = 48$	$100 - ? = 37$

Bài 4. Bà bày 48 quả quýt vào 6 đĩa đều nhau để cúng ông bà ngày Tết. Hỏi mỗi đĩa có bao nhiêu quả quýt?

Bài 5. Mỗi chậu hoa cúc có 7 bông. Hỏi 9 chậu như thế có bao nhiêu bông hoa?

Bài 6. Tính.

a) $\frac{1}{4}$ của 32 cái bánh là cái bánh. b) $\frac{1}{6}$ của 54 quả cam là quả cam. c) $\frac{1}{9}$ của 72 cái kẹo là cái kẹo.

Bài 7. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Phép tính có kết quả lớn nhất là:

A. 7×7

B. 6×8

C. 5×9

D. 9×5

2. Giá trị của biểu thức $45 : 5 + 18$ là:

A. 25

B. 27

C. 63

D. 17

3. Một tuần lễ có 7 ngày. Bốn tuần lễ có:

A. 11 ngày

B. 24 ngày

C. 28 ngày

D. 32 ngày

Tự đánh giá

☐ Em làm đúng hết ☐ Em sai 1–2 bài ☐ Em cần ôn lại bảng nhân, bảng chia

PHIẾU 2 – TIẾNG VIỆT: ĐỌC HIỂU

Họ và tên: Lớp: Ngày làm:/...../20.....

Em hãy đọc kĩ bài văn sau, rồi trả lời câu hỏi.

CHỢ HOA NGÀY GIÁP TẾT

Chiều hai mươi tám Tết, bố chở Na đi chợ hoa gần nhà. Vừa tới đầu đường, Na đã thấy cả một dải màu rực rỡ. Những chậu cúc vàng tròn xoe như những chiếc mâm nhỏ xếp thành hàng dài. Cạnh đó là các cành đào hồng nhạt và những cây mai nở vàng tươi, cánh hoa mỏng như giấy lụa.

Người đi chợ đông vui. Các cô chú bán hoa vừa tưới nước cho cây vừa tươi cười mời khách. Một bác lớn tuổi cẩn thận buộc lại từng nhánh mai cho khỏi gãy. Mùi hoa thơm thoang thoảng trong gió chiều se lạnh.

Na đứng ngắm mãi một chậu cúc nhỏ. Bố hỏi:

– Con thích chậu này à?

– Dạ, con muốn mua tặng bà. Bà bảo cúc vàng làm nhà mình thêm ấm áp.

Bố mỉm cười gật đầu. Hai bố con chọn thêm một cành đào để cắm ở phòng khách. Trên đường về, Na ôm chậu cúc thật chặt, lòng háo hức nghĩ đến lúc bà nhìn thấy món quà nhỏ của mình.

Ngữ liệu: Gia Sư HCM biên soạn.

Câu 1. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.

1. Na đi chợ hoa cùng ai, vào lúc nào?

A. Cùng mẹ, sáng ba mươi Tết

B. Cùng bố, chiều hai mươi tám Tết

C. Cùng bà, chiều hai mươi chín Tết

D. Cùng anh, sáng hai mươi tám Tết

2. Những chậu cúc vàng được so sánh với hình ảnh nào?

A. Giấy lụa

B. Ông mặt trời

C. Những chiếc mâm nhỏ

D. Những chiếc đèn lồng

3. Bác bán hoa lớn tuổi đã làm gì?

A. Buộc lại từng nhánh mai cho khỏi gãy

B. Tưới nước cho các chậu cúc

C. Tặng Na một cành đào

D. Chở hoa về nhà Na

Câu 2. Tìm 3 từ ngữ chỉ màu sắc trong đoạn thứ nhất của bài.

Câu 3. Vì sao Na muốn mua chậu cúc nhỏ?

Câu 4. Ngoài chậu cúc, hai bố con còn mua gì? Để làm gì?

Câu 5. Trong câu "Cánh hoa mỏng như giấy lụa.", sự vật nào được so sánh với sự vật nào? Từ nào dùng để so sánh?

Câu 6. Em thấy Na là một bạn nhỏ như thế nào? Viết 1–2 câu.

Câu 7. Ngày Tết, nhà em thường có loại hoa nào? Viết 1–2 câu tả loài hoa đó.

PHIẾU 3 – TOÁN: NHÂN, CHIA VÀ BIỂU THỨC

Họ và tên: Lớp: Ngày làm:/...../20.....

Ghi nhớ. Biểu thức chỉ có cộng, trừ (hoặc chỉ có nhân, chia): thực hiện từ trái sang phải.
Biểu thức có cả cộng, trừ, nhân, chia: thực hiện nhân, chia trước; cộng, trừ sau. Biểu thức có dấu ngoặc: thực hiện trong ngoặc trước.

Bài 1. Đặt tính rồi tính.

124 × 3	215 × 4	108 × 7	96 : 3
845 : 5	726 : 6	457 : 4	

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức.

a) 125 + 45 × 2 b) (90 – 18) : 8 c) 200 – 120 : 4 d) 7 × (36 – 28) e) 48 : 6 × 5

Bài 3. Ở chợ hoa, cô Lan có 135 chậu cúc. Ngày đầu cô bán được $\frac{1}{5}$ số chậu cúc. Hỏi cô Lan còn lại bao nhiêu chậu cúc?

Bài 4. Ông gói được 18 cái bánh chưng. Bà gói được số bánh gấp đôi số bánh của ông. Hỏi cả ông và bà gói được bao nhiêu cái bánh chưng?

Bài 5. Bạn Hà xếp 96 cái kẹo vào các túi, mỗi túi 8 cái. Hỏi Hà xếp được bao nhiêu túi kẹo?

Bài 6. Mẹ có 50 cái bánh quy, mẹ xếp vào các hộp, mỗi hộp 6 cái. Hỏi mẹ cần ít nhất bao nhiêu cái hộp để xếp hết số bánh?

Bài 7. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

a) $312 \times 3 = 936$ ☐	b) $84 : 4 = 12$ ☐
c) $5 \times 9 + 5 = 50$ ☐	d) $60 - 20 : 2 = 20$ ☐
Tự đánh giá	☐ Em làm đúng hết ☐ Em sai 1-2 bài ☐ Em cần ôn lại cách đặt tính và thứ tự thực hiện phép tính

PHIẾU 4 – TIẾNG VIỆT: TỪ VÀ CÂU, CHÍNH TẢ

Họ và tên: Lớp: Ngày làm:/...../20.....

Bài 1. Xếp các từ ngữ sau vào ba nhóm thích hợp: *bánh chưng, gói, đồ thắm, hoa mai, trang trí, thơm phức, câu đối, chúc Tết, rộn ràng.*

Từ chỉ sự vật	Từ chỉ hoạt động	Từ chỉ đặc điểm

Bài 2. Điền vào chỗ chấm.

- a) s hay x: um hộp; ắc màu; ôi gấc; úng ính trong bộ áo mới.
- b) tr hay ch: ang trí; bánh ưng; ò chơi; lời úc.
- c) dấu hỏi hay dấu ngã (đặt trên chữ in đậm): nhà cửa sạch **se**; con **ngo** nhỏ; **nghi** ngơi; **ve** tranh.

Bài 3. Nối mỗi câu ở cột A với kiểu câu phù hợp ở cột B.

A	B
1. Nhà em đang dọn dẹp để đón Tết.	a. Câu hỏi
2. Bạn đã chuẩn bị quần áo mới chưa?	b. Câu cảm
3. Ôi, hoa đào nở đẹp quá!	c. Câu khiến
4. Con hãy lau cửa sổ giúp mẹ nhé.	d. Câu kể

Bài 4. Đặt dấu phẩy vào chỗ thích hợp trong mỗi câu rồi viết lại câu.

- a) Ngày Tết nhà em có bánh chưng giò lụa dưa hành và mứt dừa.
-
- b) Sáng mừng Một cả nhà em đi chúc Tết ông bà.
-

Bài 5. Tìm từ theo yêu cầu.

Từ	Từ có nghĩa giống	Từ có nghĩa trái ngược
vui vẻ		
sạch sẽ		

nhộn nhịp		
mới		

Bài 6. Viết một câu có hình ảnh so sánh để tả mỗi sự vật sau: a) ông mặt trời buổi sáng mùa xuân; b) cảnh mai (hoặc cảnh đào) ngày Tết.

.....

.....

.....

Bài 7. Đọc đoạn thơ sau rồi chép lại cho đẹp vào dòng kẻ.

Xuân về trên ngõ nhỏ
Mai nở vàng hiên nhà
Bé chúc ông chúc bà
Một năm mới an khang.
Ngữ liệu: Gia Sư HCM biên soạn.

.....

.....

.....

.....

PHIẾU 5 – TOÁN: CÁC SỐ ĐẾN 10 000, ĐO LƯỜNG VÀ HÌNH HỌC

Họ và tên: Lớp: Ngày làm:/...../20.....

Ghi nhớ. Số có bốn chữ số gồm các hàng: nghìn, trăm, chục, đơn vị. Làm tròn đến hàng trăm: nhìn chữ số hàng chục; nếu bé hơn 5 thì làm tròn xuống, nếu lớn hơn hoặc bằng 5 thì làm tròn lên. 1 kg = 1000 g; 1 l = 1000 ml. Đường kính dài gấp 2 lần bán kính.

Bài 1. Hoàn thành bảng sau.

Viết số	Đọc số
3 506	
7 040	
9 999	
	sáu nghìn không trăm mười hai
	hai nghìn bảy trăm

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm.

4 999 5 000	6 305 6 053
8 120 8 000 + 120	7 089 7 098

Bài 3. Viết các số 2 645; 2 456; 2 564; 2 465 theo thứ tự từ bé đến lớn.

Bài 4. Làm tròn số.

Làm tròn đến hàng trăm	Làm tròn đến hàng chục
3 482 →	2 347 →
7 049 →	1 994 →
5 650 →	4 085 →

Bài 5. a) Một gói mít dừa cân nặng 250 g. Mẹ mua 4 gói như thế. Hỏi 4 gói mít nặng bao nhiêu gam? Bằng mấy ki-lô-gam?

b) Mẹ có 2 chai nước cam, mỗi chai 750 ml. Mẹ rót đều vào 6 cốc. Hỏi mỗi cốc có bao nhiêu mi-li-lít nước cam?

Bài 6. a) Hình tròn tâm O có bán kính 3 cm. Đường kính của hình tròn dài cm.

b) Đoạn thẳng AB dài 10 cm, M là trung điểm của AB. Đoạn thẳng AM dài cm.

Bài 7. Mặt đồng hồ treo tường nhà bà ghi các số La Mã. Viết các số sau bằng chữ số thông thường: IV = ...; IX = ...; XII = ...; XX = ...

Bài 8 (làm thêm nếu con đã học bài chu vi). a) Một tấm thiệp hình chữ nhật có chiều dài 8 cm, chiều rộng 5 cm. Tính chu vi tấm thiệp. b) Tính chu vi hình vuông có cạnh 6 cm.

Tự đánh giá

☐ Em làm đúng hết ☐ Em sai 1–2 bài ☐ Em cần ôn lại số có bốn chữ số và đơn vị đo

PHIẾU 6 – TIẾNG VIỆT: VIẾT

Họ và tên: **Lớp:** **Ngày làm:**/...../20.....

Bài 1. Viết 2–3 câu chúc Tết ông bà (hoặc thầy cô) của em.

.....

.....

.....

Bài 2. Em hãy hoàn thành tấm thiệp chúc mừng năm mới gửi một người bạn.

THIỆP CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Gửi ban:

Lời chúc:

.....

.....

Người gửi:

Bài 3. Viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu kể về một việc em đã làm cùng gia đình để chuẩn bị đón Tết.

Gợi ý:

- Em đã làm việc gì (don nhà, trang trí, gói bánh, đi chợ hoa, cắm hoa...)? Làm cùng ai?

Vào lúc nào?

- Em đã làm việc đó như thế nào (em làm những gì, mọi người làm những gì)?
- Kết quả công việc ra sao? Em có cảm nghĩ gì khi cùng gia đình chuẩn bị đón Tết?

[illegible]

Bài 4. Viết 3 việc tốt em muốn làm trong năm mới.

Tự đánh giá bài viết	☐ Đoạn văn có đủ 5–7 câu ☐ Mỗi câu bắt đầu bằng chữ viết hoa, kết thúc bằng dấu chấm ☐ Em đã đọc lại và sửa lỗi chính tả
----------------------	---

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý

Phiếu 1 – Toán

Bài 1. 42; 72; 56; 54; 32; 27; 8; 9; 7; 9; 6; 9.

Bài 2. 48; 63; 35; 9; 9; 8.

Bài 3. 8; 54; 8; 9; 73; 63.

Bài 4. Mỗi đĩa có số quả quýt là: $48 : 6 = 8$ (quả). Đáp số: 8 quả quýt.

Bài 5. 9 chậu có số bông hoa là: $7 \times 9 = 63$ (bông). Đáp số: 63 bông hoa.

Bài 6. a) 8 cái bánh; b) 9 quả cam; c) 8 cái kẹo.

Bài 7. 1. A ($7 \times 7 = 49$; $6 \times 8 = 48$; $5 \times 9 = 9 \times 5 = 45$); 2. B ($9 + 18 = 27$); 3. C ($7 \times 4 = 28$).

Phiếu 2 – Tiếng Việt

Câu 1. 1. B; 2. C; 3. A.

Câu 2. vàng, hồng nhạt, vàng tươi (chấp nhận "rực rỡ" nếu con giải thích là tả màu sắc).

Câu 3. Na muốn mua chậu cúc để tặng bà, vì bà bảo cúc vàng làm nhà mình thêm ấm áp.

Câu 4. Hai bố con mua thêm một cành đào để cắm ở phòng khách.

Câu 5. Cánh hoa (mai) được so sánh với giấy lụa; từ so sánh: như.

Câu 6. Gợi ý: Na là bạn nhỏ yêu thương bà, biết quan tâm đến người thân và luôn nhớ đến lời bà dặn.

Câu 7. Con tự viết. Ví dụ: Ngày Tết, nhà em thường có một chậu mai. Những bông mai năm cánh vàng tươi nở rộ, làm phòng khách sáng bừng lên.

Phiếu 3 – Toán

Bài 1. $124 \times 3 = 372$; $215 \times 4 = 860$; $108 \times 7 = 756$; $96 : 3 = 32$; $845 : 5 = 169$; $726 : 6 = 121$; $457 : 4 = 114$ (dư 1).

Bài 2. a) $125 + 90 = 215$; b) $72 : 8 = 9$; c) $200 - 30 = 170$; d) $7 \times 8 = 56$; e) $8 \times 5 = 40$.

Bài 3. Số chậu cúc đã bán: $135 : 5 = 27$ (chậu). Số chậu cúc còn lại: $135 - 27 = 108$ (chậu).
Đáp số: 108 chậu cúc.

Bài 4. Số bánh bà gói: $18 \times 2 = 36$ (cái). Cả ông và bà gói: $18 + 36 = 54$ (cái). Đáp số: 54 cái bánh chưng.

Bài 5. $96 : 8 = 12$ (túi). Đáp số: 12 túi kẹo.

Bài 6. $50 : 6 = 8$ (dư 2). Xếp được 8 hộp đầy, còn thừa 2 cái bánh nên cần thêm 1 hộp nữa. Cần ít nhất $8 + 1 = 9$ (hộp). Đáp số: 9 cái hộp.

Bài 7. a) Đ; b) S ($84 : 4 = 21$); c) Đ; d) S ($60 - 10 = 50$).

Phiếu 4 – Tiếng Việt

Bài 1. Sự vật: bánh chưng, hoa mai, câu đối. Hoạt động: gói, trang trí, chúc Tết. Đặc điểm: đỏ thắm, thơm phức, rộn ràng.

Bài 2. a) sum họp; sắc màu; xôi gấc; xúng xính. b) trang trí; bánh chưng; trò chơi; lời chúc. c) sạch sẽ; con ngõ; nghỉ ngơi; vẽ tranh.

Bài 3. 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c.

Bài 4. a) Ngày Tết, nhà em có bánh chưng, giò lụa, dưa hành và mứt dừa. b) Sáng mừng Một, cả nhà em đi chúc Tết ông bà.

Bài 5. Gợi ý: vui vẻ – vui tươi, hân hoan / buồn bã; sạch sẽ – tinh tươm / bẩn thỉu; nhộn nhịp – tấp nập / vắng vẻ; mới – mới mẻ / cũ. Chấp nhận các từ đúng khác.

Bài 6. Gợi ý: Ông mặt trời buổi sáng mùa xuân tròn và hồng như quả bóng bay. Cành mai nở vàng rực như những ngọn nến nhỏ.

Bài 7. Chép đúng, đủ 4 dòng; viết hoa chữ đầu mỗi dòng thơ; chữ viết đều, rõ ràng.

Phiếu 5 – Toán

Bài 1. 3 506: ba nghìn năm trăm linh sáu; 7 040: bảy nghìn không trăm bốn mươi; 9 999: chín nghìn chín trăm chín mươi chín; 6 012; 2 700.

Bài 2. $4\,999 < 5\,000$; $6\,305 > 6\,053$; $8\,120 = 8\,000 + 120$; $7\,089 < 7\,098$.

Bài 3. 2 456; 2 465; 2 564; 2 645.

Bài 4. Hàng trăm: 3 500; 7 000; 5 700. Hàng chục: 2 350; 1 990; 4 090.

Bài 5. a) $250 \times 4 = 1000$ (g); $1000\text{ g} = 1\text{ kg}$. b) Hai chai có: $750 \times 2 = 1500$ (ml). Mỗi cốc có: $1500 : 6 = 250$ (ml). Đáp số: 250 ml.

Bài 6. a) 6 cm; b) 5 cm.

Bài 7. IV = 4; IX = 9; XII = 12; XX = 20.

Bài 8. a) $(8 + 5) \times 2 = 26$ (cm). b) $6 \times 4 = 24$ (cm).

Phiếu 6 – Tiếng Việt

Bài 1, 2, 4. Con tự viết. Ví dụ lời chúc: "Cháu chúc ông bà năm mới thật nhiều sức khỏe, luôn vui vẻ và sống thật lâu với con cháu."

Bài 3. Đoạn văn tham khảo: Chiều ba mươi Tết, em cùng mẹ trang trí phòng khách. Mẹ treo những chiếc đèn lồng đỏ lên cửa sổ, còn em cẩn thận dán chữ "Phúc" lên cánh cửa. Sau đó, hai mẹ con cắm một bình hoa cúc vàng đặt trên bàn. Em lau lại bộ ấm chén cho thật sạch. Khi mọi việc xong xuôi, phòng khách trông sáng sủa và ấm cúng hẳn lên. Em thấy rất vui vì đã góp một phần sức nhỏ để cả nhà đón Tết.

Gợi ý chấm: đủ số câu; có trình tự (làm gì – làm thế nào – kết quả, cảm nghĩ); viết hoa đầu câu; dùng dấu câu đúng. Khen con những câu viết hay, sửa nhẹ nhàng các lỗi chính tả.